

Số: 2879/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương; Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương và Nghị định số 26/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1601/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 3415/QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Tổng hợp báo cáo rà soát triển khai nhiệm vụ và kinh phí được giao năm 2024 của các đơn vị dự toán thuộc Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương: (phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Vụ HCSN, Vụ NSNN);
- Kho bạc Nhà nước;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Hệ thống TABMIS;
- Công thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, KHTC.

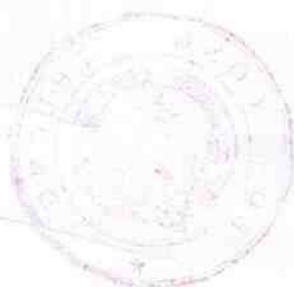
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phan Thị Thắng

11-11-11

11-11-11



TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

(kèm theo Quyết định số 879/QĐ-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Mã NS đơn vị sử dụng	Mã KBNN	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Loại khoản	Ngân sách nhà nước		Ghi chú
						Kinh phí không tự chủ		
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	
A	B			C	Đ	1	2	3
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					1.900	1.900	
1	Kinh phí không tự chủ, bao gồm: Đoàn ra, Đoàn vào, Niên liễm, Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế, Hội nghị hội thảo trong nước, Kinh phí hoạt động trong nước của Thương vụ và Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn ...				340-341	1.900	1.900	
	Văn phòng Bộ Công Thương	1.053.956	0011	Hà Nội		1.900		
	Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế	1.052.026	0011	Hà Nội			1.800	
	Ủy ban Cạnh tranh quốc gia	1.131.518	0011	Hà Nội			100	

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024
SỰ NGHIỆP KINH TẾ

(kèm theo Quyết định số: 2 8 7 9/QĐ-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Mã NS đơn vị sử dụng	Mã KBNN	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Loại khoản	Ngân sách nhà nước		Ghi chú
						Kinh phí không tự chủ		
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	
A	B	C	D	E	F	1	2	3
I	SỰ NGHIỆP KINH TẾ					1.352,252	1.352,252	
1	Kinh phí thành lập VPXTTM tại Hàng Châu, Nam Kinh, Thành Đô, Trung Quốc				280-321		1.352,252	
	Cục Xúc tiến thương mại	1.113.499	0011	Hà Nội			1.352,252	
2	Kinh phí duy trì hoạt động Trung tâm dữ liệu Bộ Công Thương năm 2024				280-321			Quyết định số 1697/QĐ-BCT ngày 27/6/2024
	Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số	1.113.501	0013	Hoàn Kiếm - Hà Nội		480,000		
3	Đề án Tổ chức Chuỗi chuyên đề trực tuyến định kỳ nhằm phổ biến thông tin thị trường diễn biến chính sách và đối với doanh nghiệp về thị trường Hoa Kỳ năm 2024				280-321			Quyết định số 2793/QĐ-BCT ngày 22/10/2024
	Văn phòng Bộ Công Thương	1.053.956	0011	Hà Nội		260,000		
4	Kinh phí không tự chủ cấp bổ sung cho Trung tâm giới thiệu sản phẩm Việt Nam ở New York				280-338			Văn bản số 3693/XTTM-KHTC ngày 26/9/2024
	Cục Xúc tiến thương mại	1.113.499	0011	Hà Nội		444,000		
5	Kinh phí tinh thực hiện giảm biên chế				280-338			Quyết định số 2622/QĐ-BCT ngày 12/10/2023
	Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại	1.055.532	0013	Hoàn Kiếm - Hà Nội		19,672		

TT	Nội dung	Mã NS đơn vị sử dụng	Mã KBNN	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Loại khoản	Ngân sách nhà nước		Ghi chú
						Kinh phí không tự chủ		
						Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	
6	Kinh phí thực hiện các hoạt động xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” năm 2024 của Hội đồng cấp Nhà nước				<u>280-321</u>			Công văn số 975/CTĐP-VP ngày 27/9/2024
	Cục Công thương địa phương	1.131.521	0013	<u>Hoàn Kiếm - Hà Nội</u>		148,580		

Ghi chú:

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024 KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO
(kèm theo Quyết định số: 2 8 7 9 /QĐ-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN			
					KP giao tại: QĐ 3415/QĐ-BCT ngày 29/12/2023 và QĐ 1201/QĐ-BCT ngày 17/5/2024 (KP giao không tự chủ)	Điều chỉnh giảm (-) (KP giao không tự chủ)	Điều chỉnh tăng (+) (KP giao không tự chủ)	KP sau khi điều chỉnh (KP giao không tự chủ)
A	Điều chỉnh giảm kinh phí chi không thường xuyên thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg (giao tại QĐ 3415/QĐ-BCT ngày 29/12/2023)				6.439,000	1.349,888	1.349,888	6.439,000
1	Bộ Công Thương (cấp 1)	KBNN TW	1054716	0003	0,000	39,000	1.310,888	1.271,888
I	Loại 070 khoản 081: Giáo dục Đại học				5.837,000	1.149,888	39,000	4.726,112
1	Trường đại học CN Thành phố HCM	Quận Gò Vấp - TP HCM	1054141	0121	500,000			500,000
2	Trường đại học Công Thương Thành Phố HCM	Q. Tân Phú - TP HCM	1054145	0135	625,000	239,888		385,112
3	Trường đại học Điện lực	Q. Cầu Giấy - Hà Nội	1054525	0023	270,000	50,000		220,000
4	Trường đại học CN Hà Nội	Nam Từ Liêm - Hà Nội	1054016	0017	1.566,000			1.566,000
5	Trường đại học KTKT CN	Quận HBT- HN	1054140	0014	615,000	180,000		435,000
6	Trường Đại học CN Quảng Ninh	Đông Triều - Quảng Ninh	1054142	2815	16,000			16,000
7	Trường Đại học Sao Đỏ	Chí Linh - Hải Dương	1054186	0366	184,000		39,000	223,000
8	Trường Đại học CN Việt Hưng	Sơn Tây - Hà Nội	1054099	0033	1.845,000	600,000		1.245,000
9	Trường Đại học CN Việt Trì	Phù Ninh - Phú Thọ	1054017	1266	216,000	80,000		136,000

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN			
					KP giao tại: QĐ 3415/QĐ-BCT ngày 29/12/2023 và QĐ 1201/QĐ-BCT ngày 17/5/2024 (KP giao không tự chủ)	Điều chỉnh giảm (-) (KP giao không tự chủ)	Điều chỉnh tăng (+) (KP giao không tự chủ)	KP sau khi điều chỉnh (KP giao không tự chủ)
II	Loại 070 khoản 093: Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng				602,000	161,000	0,000	441,000
12	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	Quận I - TP HCM	1054208	0133	200,000	80,000		120,000
18	Trường Cao đẳng Kinh tế CN Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	1054139	0018	238,000			238,000
27	Trường Cao đẳng kinh tế KT T.mại	Hà Đông - Hà Nội	1055485	0026	110,000	81,000		29,000
28	Trường Cao đẳng kinh tế đối ngoại	Q. Phú Nhuận - TP HCM	1055533	0119	54,000			54,000
B	Điều chỉnh kinh phí không tự chủ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - Loại 070 khoản 085 -đào tạo lại (*)				4.330,000	954,000	954,000	4.330,000
1	Văn phòng Bộ	Thành phố - Hà Nội	1053956	0011	2.914,000	954,000		1.960,000
2	Trường Đào tạo bồi dưỡng Cán bộ Công thương TW	Q. Hoàng Mai - Hà Nội	1055490	0025	1.416,000		954,000	2.370,000
C	Điều chỉnh tăng kinh phí không tự chủ thực hiện Tinh giản biên chế - Sự nghiệp đào tạo (**)				6.871,888	1.271,888	1.271,888	6.871,888
1	Loại 070 khoản 093: Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng				5.972,416	1.271,888	1.271,888	5.972,416
1	Bộ Công Thương (cấp 1)	KBNN TW	1054716	0003	1.271,888	1.271,888	0,000	0,000
3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật công nghiệp	Bắc Giang	1054097	1161	256,921			256,921
4	Trường Cao đẳng CN Việt Đức	Sông Công - Thái Nguyên	1054147	2269	351,319			351,319
5	Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại	Thái Nguyên	1054146	2261	713,007		854,523	1.567,530
6	Trường Cao đẳng CN Thực phẩm (V.Trì)	Phú Thọ	1054144	1261	190,945			190,945

TT	Nội dung	KBNN nơi đơn vị giao dịch	Mã đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN	Kinh phí NSNN			
					KP giao tại: QĐ 3415/QĐ-BCT ngày 29/12/2023 và QĐ 1201/QĐ-BCT ngày 17/5/2024 (KP giao không tự chủ)	Điều chỉnh giảm (-) (KP giao không tự chủ)	Điều chỉnh tăng (+) (KP giao không tự chủ)	KP sau khi điều chỉnh (KP giao không tự chủ)
7	Trường Cao đẳng Du lịch và Công Thương	Cẩm Giàng - Hải Dương	1055491	0365	324,362			324,362
8	Trường Cao đẳng CN và TM (Phúc Yên)	Phúc Yên - Vĩnh Phúc	1054183	1219	316,825		222,191	539,016
9	Trường Cao đẳng CN & Xây dựng	Uông Bí - Quảng Ninh	1054185	2812	948,209			948,209
10	Trường Cao đẳng TM (Đà Nẵng)	Q. Thanh Khê - Đà Nẵng	1055486	0163	0,000			0,000
11	Trường Cao đẳng TM và DL	Thái Nguyên	1055487	2261	337,110		195,174	532,284
12	Trường Cao đẳng CN Thái Nguyên	Thái Nguyên	1054184	2261	253,129			253,129
13	Trường Cao đẳng Kinh tế CN Hà Nội	Thanh Trì - Hà Nội	1054139	0018	1.008,701			1.008,701
2	Loại 070 khoản 081: Giáo dục đại học				899,472	0,000	0,000	899,472
1	Trường Đại học CN Việt Trì	Phù ninh - Phú Thọ	1054017	1266	386,212			386,212
2	Trường Đại học Sao Đỏ	Chí Linh - Hải Dương	1054186	0366	513,260			513,260

Ghi chú: (*) Căn cứ theo Quyết định số 2032/QĐ-BCT ngày 01/8/2024; (**) Căn cứ theo Quyết định số 606/QĐ-BCT ngày 22/3/2024 của Bộ Công Thương; Quyết định số 2447/QĐ-BCT ngày 13/9/2024 của Bộ Công Thương và Công văn số 3596/TCCB-LĐTL ngày 4/9/2024 về điều chỉnh, bổ sung kinh phí tính gián biên chế năm 2024./.